TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2022
V/v: *"Xin ly hôn…"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước Lộc.

Ông Ngô Rạng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thành phố P, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Năm 2016 anh và chị Lê Thị T tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng, đến ngày 06/8/2016 đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố P, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây khoảng tháng 6 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng ý kiến nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn trong chi tiêu, sinh hoạt về tài chính. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, vì nghĩ đến các con nên anh cố gắng kéo dài cuộc hôn nhân này với chị T, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tường Thảo V, sinh ngày 27/11/2016 và Nguyễn Tường Thảo L, sinh ngày 28/02/2020. Anh xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung, vì hiện nay cả hai con chung đều sống với Anh T. Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Vì khi sinh cháu L, là hai tháng sau chị T bỏ nhà đi đến nay không về thăm con, cũng không trợ cấp tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 27/12/2021:

Về quan hệ hôn nhân: Cả hai không hợp nhau và đã ly thân gần 01 năm. Qua yêu cầu khởi kiện của anh T chị T đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Tường Thảo V, sinh ngày 27/11/2016 và Nguyễn Tường Thảo L, sinh ngày 28/02/2020 cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Tấn T yêu cầu công nhận cho anh và chị T ly hôn. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con anh T xin thay đổi yêu cầu so với nội dung đơn khởi kiện như sau: Anh đồng ý nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **T**ại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, ngày 16/4/2021 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí nhưng đến ngày 10/5/2021 Tòa án mới thụ lý vụ án là vi phạm thời hạn thụ lý. Ngày 10/5/2021 Tòa án thụ lý vụ án, nhưng đến ngày 14/02/2022 mới Quyết định đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn T và chị Lê Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu có hàn gắn thì mục đích hôn nhân không hạnh phúc. Anh T và chị T không còn sống chung với nhau, chị T cũng tự nguyện đồng ý ly hôn anh T, nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T. Về con chung, anh T đang nuôi dưỡng cả hai con chung, chị T cũng thống nhất giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu, nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại thời điểm anh Nguyễn Tấn T khởi kiện, bị đơn chị Lê Thị T có nơi cư trú tại thành phố P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh K theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T xin thay đổi yêu cầu về con chung và cấp dưỡng, anh T yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu nêu trên của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc về vi phạm thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án sẽ rút kinh nghiệm chung.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016 anh Nguyễn Tấn T và chị Lê Thị T tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại UBND phường A ngày 06/8/2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, cũng từ thời gian đó anh, chị không còn sống chung với nhau.

Xét thấy, anh T và chị T đã không còn sống chung với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm

vợ chồng, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T cũng tự nguyện đồng ý ly hôn anh T. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tường Thảo V, sinh ngày 27/11/2016 và Nguyễn Tường Thảo L, sinh ngày 28/02/2020. Anh T yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, từ khi chị T và anh T không còn sống chung với nhau, thì cả hai con chung đều do anh T chăm sóc và nuôi dưỡng đến nay, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần và không làm thay đổi cuộc sống hiện tại của cháu và căn cứ nguyện vọng của chị T đồng ý giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng. Nên chấp nhận yêu cầu của anh T về việc nuôi dưỡng hai con chung. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí:

Do anh Nguyễn Tấn T và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa, nên anh T và chị T mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí không giá ngạch. Anh T được khấu trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000194 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Nên anh T được hoàn trả lại số tiền 525.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 57, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tấn T và chị Lê Thị T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường Thảo V, sinh ngày 27/11/2016 và Nguyễn Tường Thảo L, sinh ngày 28/02/2020 cho anh Nguyễn Tấn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị Lê Thị T phải chịu án phí 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Tấn T phải chịu án phí 75.000 đồng. Anh T được khấu trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000194 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Nên anh T được hoàn trả lại số tiền 525.000 đồng *(năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Quách Văn Khánh